|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: 338/BC - CP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2017* |

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến của Đại biểu Quốc hội

 về dự án Luật tố cáo (sửa đổi)

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Ngày 16/6/2017 Quốc hội khóa XIV (kỳ họp thứ 3) đã họp phiên toàn thể tại Hội trường cho ý kiến về dự án Luật tố cáo (sửa đổi), về cơ bản các Đại biểu Quốc hội đã nhất trí với nhiều nội dung của dự thảo Luật, tuy nhiên Đại biểu Quốc hội còn có ý kiến vào một số vấn đề của dự thảo Luật. Quốc hội đã thống nhất xem xét thông qua dự án Luật tại 3 kỳ họp.

Ngay sau khi kết thúc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ đã giao cho cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật tố cáo (sửa đổi) chủ trì phối hợp với các cơ quan của Quốc hội, các bộ ngành liên quan nghiên cứu ý kiến của các Đại biểu Quốc hội, rà soát lại các quy định pháp luật, tiến hành khảo sát tại một số địa phương, đối chiếu kết quả tổng kết thi hành luật để chỉnh lý dự thảo Luật nhằm đảm bảo tính đồng bộ với pháp luật hiện hành và tính khả thi trong thực tiễn. Ngày 28/7/2017 Thanh tra Chính phủ đã có Báo cáo số 1882/BC-TTCP xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật trên cơ sở ý kiến của các Đại biểu Quốc hội. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật đã tiếp thu, chỉnh lý. Theo đó, dự thảo Luật tố cáo (sửa đổi) sau khi được tiếp thu, chỉnh lý gồm 76 điều (tăng thêm 12 điều so với dự thảo Luật đã trình Quốc Hội tháng 5/2017 và tăng thêm 26 điều so với Luật hiện hành).

Chính phủ báo cáo về các nội dung tiếp thu, giải trình của dự án Luật tố cáo (sửa đổi) như sau:

**1. Về phạm vi điều chỉnh và tên gọi dự thảo Luật**

- Về cơ bản các ĐBQH nhất trí với dự thảo Luật về phạm vi điều chỉnh, sửa đổi cơ bản Luật tố cáo hiện hành và tên gọi của dự án Luật là Luật tố cáo (sửa đổi).

- Có ý kiến ĐBQH đề nghị bổ sung phạm vi điều chỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu, của người không phải là cán bộ công chức, viên chức, của cơ quan tổ chức cho phù hợp với nội dung tại khoản 6, khoản 7 Điều 12 của dự thảo.

*Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu*, bổ sung phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Dự thảo như sau: Luật này quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của: cán bộ, công chức, viên chức; người nguyên là cán bộ, công chức, viên chức; cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà không phải là cán bộ, công chức, viên chức (gọi chung là tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ). Tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo, quản lý công tác giải quyết tố cáo; khen thưởng và xử lý hành vi vi phạm.

- Có ĐBQH cho rằng phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật tố cáo (sửa đổi) là quá rộng*.*

*Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau*: Luật tố cáo được coi là đạo luật quy định những vấn đề chung về tố cáo và giải quyết tố cáo. Dự thảo Luật tiếp tục kế thừa Luật tố cáo năm 2011 và có bổ sung phạm vi điều chỉnh. Tố cáo và giải quyết tố cáo trong hoạt động tố tụng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này mà được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng. Việc tố giác và tin báo về tội phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự*.* Bên cạnh đó, dự thảo Luật còn quy định trường hợp Luật khác có quy định khác về tố cáo và giải quyết tố cáo thì áp dụng quy định của Luật đó. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cho rằng phạm vi điều chỉnh như dự thảo Luật là hợp lý.

**2. Về hình thức tố cáo**

Nhiều ý kiến Đại biểu Quốc hội đề nghị bổ sung mở rộng thêm các hình thức tố cáo qua: điện thoại, fax, hộp thư điện tử để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện quyền tố cáo, cung cấp, phản ánh thông tin về hành vi vi phạm pháp luật, tránh bỏ sót, bỏ lọt hành vi vi phạm. Tuy nhiên, Chính phủ đề nghị giữ nguyên quy định 02 hình thức tố cáo như trong dự thảo Luật là tố cáo bằng đơn và tố cáo trực tiếp, không mở rộng hình thức tố cáo qua điện thoại, fax, thư điện tử. Việc quy định như vậy nhằm tránh tình trạng tố cáo tràn lan, thiếu căn cứ, gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết; khó khăn trong việc xác định trách nhiệm những người lợi dụng quyền tố cáo để bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác. Hơn nữa, tố cáo cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ rất phức tạp, cần phải được tiếp nhận và xử lý chặt chẽ theo quy định. Việc mở rộng các hình thức tố cáo cũng cần các điều kiện bảo đảm về mặt pháp lý, nguồn nhân lực, các điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật để xác minh, kết luận đối với các trường hợp tố cáo. Trong bối cảnh hiện nay quy định việc tiếp nhận và giải quyết tố cáo thông qua điện thoại, fax, hộp thư điện tử là khó khả thi.

Mặc dù không xem xét, giải quyết đối với tố cáo qua điện thoại, fax, hộp thư điện tử theo quy trình giải quyết tố cáo, Chính phủ cho rằng những hành vi vi phạm pháp luật được phản ánh qua điện thoại, fax, hộp thư điện tử cần phải được các cơ quan nhà nước tiếp nhận, xử lý phục vụ yêu cầu công tác quản lý, công tác thanh tra, kiểm tra. Do vậy, dự thảo Luật đã có quy định riêng về việc tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh về hành vi vi phạm pháp luật qua điện thoại, email, fax (tại khoản 2, khoản 3 Điều 20) như sau:

Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm pháp luật được phản ánh qua thư điện tử, Fax thì người tiếp nhận có trách nhiệm sao chụp, in thư điện tử, lấy bản Fax, vào sổ theo dõi; kịp thời phân loại sơ bộ, đánh giá tính chất, mức độ vụ việc báo cáo, đề xuất thủ trưởng cơ quan xem xét, quyết định phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm pháp luật được phản ánh qua điện thoại thì người tiếp nhận có trách nhiệm ghi lại những thông tin sau: thời gian tiếp nhận thông tin về hành vi vi phạm pháp luật; họ, tên, địa chỉ, số điện thoại của người phản ánh; thời gian, địa điểm xẩy ra vụ việc; tóm tắt diễn biến vụ việc; các thông tin khác có liên quan, vào sổ theo dõi; kịp thời phân loại sơ bộ, đánh giá tính chất, mức độ vụ việc báo cáo, đề xuất thủ trưởng cơ quan xem xét, quyết định phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

Tuy nhiên, đây là vấn đề phức tạp có nhiều quan điểm trái chiều, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổng hợp để Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị.

**3. Về đơn tố cáo nặc danh, mạo danh, không rõ họ tên địa chỉ người tố cáo (tố cáo nặc danh)**

Nhiều ý kiến nhất trí với dự thảo Luật là về nguyên tắc không xem xét, giải quyết tố cáo nặc danh, mạo danh, không rõ họ tên địa chỉ người tố cáo vì không khả thi, không có căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm người tố cáo, tránh tình trạng lợi dụng việc tố cáo để vu cáo, vu khống, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của cơ quan, tổ chức và cá nhân bị tố cáo. Tuy nhiên, một số ý kiến đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cần có quy định xử lý đối với tố cáo nặc danh, mạo danh, không rõ họ tên địa chỉ người tố cáo nhưng có nội dung rõ ràng, có kèm theo thông tin, tài liệu, bằng chứng rõ ràng, để tránh bỏ sót, bỏ lọt hành vi vi phạm.

Chính phủ đề nghị không quy định việc xem xét giải quyết tố cáo nặc danh, mạo danh, không rõ họ tên địa chỉ người tố cáo nhằm đề cao trách nhiệm của người tố cáo, cũng như hạn chế tình trạng tố cáo tràn lan, thiếu căn cứ; lợi dụng quyền tố cáo để bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của người khác. Tuy nhiên, trong thực tiễn, có trường hợp do sợ bị trả thù, trù dập nên người tố cáo không nêu rõ họ tên, địa chỉ nhưng trong đơn tố cáo có nội dung rõ ràng, cụ thể, gửi kèm nhiều bằng chứng chứng minh các hành vi vi phạm như băng hình, ghi âm, tài liệu…và các cơ quan nhà nước không gặp khó khăn khi xác minh, kết luận. Để không bị bỏ sót, bỏ lọt hành vi vi phạm pháp luật, Chính phủ cho rằng cần có quy định hợp lý về vấn đề này, coi đây là thông tin đầu vào cho việc xem xét, xử lý thuộc phạm vi trách nhiệm của thủ trưởng của cơ quan nhà nước. Trong quá trình giải quyết không có sự ràng buộc trách nhiệm giữa cơ quan giải quyết với người tố cáo (vì không xác định được người tố cáo). Do vậy, khoản 5 Điều 20 dự thảo Luật đã được chỉnh lý quy định:

 Trường hợp đơn tố cáo nặc danh, mạo danh, không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo thì không thụ lý giải quyết. Trong trường hợp đơn tố cáo nặc danh, mạo danh nhưng nội dung, thông tin rõ về người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, bằng chứng cụ thể, có cơ sở thẩm tra, xác minh thì người tiếp nhận đơn tố cáo trình người đứng đầu cơ quan quản lý cùng cấp xem xét, quyết định để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra.

Tuy nhiên, đây là vấn đề phức tạp có nhiều quan điểm trái chiều, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổng hợp để Đảng đoàn Quốc hội báo cáo Bộ Chính trị.

**4. Về thời hiệu tố cáo**

Đa số ĐBQH nhất trí với việc không quy định thời hiệu trong dự thảo Luật. Tuy nhiên cũng có ý kiến ĐBQH cho rằng cần quy định thời hiệu tố cáo để tránh tình trạng nhiều hành vi vi phạm xảy ra từ rất lâu không còn nguy hiểm hoặc không ảnh hưởng đến lợi ích nhà nước, xã hội, công dân nhưng các cơ quan nhà nước vẫn xem xét thụ lý gây lãng phí thời gian, công sức.

 *Cơ quan chủ trì giải trình như sau*: hiện nay, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật hiện hành không quy định về thời hiệu tố giác, tin báo tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc tố cáo hành vi vi phạm xuất phát từ nhận thức của người tố cáo; việc đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội, xử lý, giải quyết tố cáo là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Mặt khác, quyền tố cáo là quyền được quy định tại Điều 30 của Hiến pháp 2013. Do đó, để tạo thuận lợi cho người dân, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, tránh tình trạng bỏ sót, bỏ lọt hành vi vi phạm, dự thảo Luật không quy định thời hiệu tố cáo là phù hợp. Tuy nhiên, để tránh tình trạng tố cáo thiếu cơ sở, không có nội dung rõ ràng, thiếu căn cứ để xác minh hành vi vi phạm…dự thảo Luật đã quy định tại khoản 7 Điều 20 về các trường hợp không thụ lý giải quyết tố cáo.

**5. Về nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo**

- Đa số ĐBQH đồng tình về nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết như trong dự thảo Luật, đặc biệt là nguyên tắc xác định thẩm quyền trong trường hợp người bị tố cáo đã về hưu, chuyển công tác hoặc không còn là cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, có ý kiến ĐBQH đề nghị cần quy định trường hợp có nhiều người bị tố cáo trong đó vừa có cán bộ, công chức, viên chức, vừa có cá nhân không phải là cán bộ, công chức, viên chức.

*Cơ quan chủ trì tiếp thu vấn đề này và đã bổ sung tại khoản 10, Điều 12 của Dự thảo theo hướng:* tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của nhiều người, trong đó có cán bộ, công chức, viên chức và người không phải là cán bộ, công chức thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức, viên chức chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan giải quyết.

- Có ý kiến đề nghị không quy định về giải quyết tố cáo trong trường hợp người bị tố cáo đã nghỉ hưu, chuyển công tác mà không còn là cán bộ, công chức, viên chức vì khi đó họ không còn là cán bộ, công chức, viên chức.

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau:* cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc không còn là cán bộ công chức, viên chức nhưng có hành vi vi phạm xảy ra trong thời kỳ họ đang là cán bộ, công chức, viên chức thì cần phải được xem xét giải quyết để đảm bảo khách quan, không để sót, để lọt hành vi vi phạm và trên thực tế hiện nay các cơ quan có thẩm quyền của Đảng vẫn xử lý đối với những trường hợp này. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo đề nghị giữ quy định này trong dự thảo Luật.

- Có ý kiến ĐBQH đề nghị giao cho một bên thứ ba thực hiện việc giải quyết tố cáo đối với người đã nghỉ hưu như: cơ quan Thanh tra nhà nước hoặc cơ quan cấp trên một cấp. Vì nếu giao cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi người đó đã công tác trước đây giải quyết không đảm bảo tính khách quan.

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau:* cơ quan thanh tra nhà nước các cấp không có thẩm quyền giải quyết tố cáo mà chỉ thực hiện nhiệm vụ xác minh khi Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp giao, cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức đang công tác vẫn có thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với người vi phạm là cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý. Vì vậy, về nguyên tắc thì tố cáo người đã nghỉ hưu vẫn phải do cơ quan, tổ chức nơi người bị tố cáo đã công tác giải quyết.

**6. Về thẩm quyền giải quyết tố cáo**

- Một số ý kiến ĐBQH đề nghị bổ sung thẩm quyền giải quyết tố cáo của Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

*Cơ quan chủ trì tiếp thu, chỉnh lý,* bổ sung thêm khoản 3, khoản 4 Điều 14 của Dự thảo theo hướng: quy định rõ thẩm quyền giải quyết của Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, người đứng đầu Văn phòng Hội đồng nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan khác của Nhà nước, thẩm quyền của Quốc hội và Hội đồng nhân các cấp.

- Có ý kiến cho rằng tại khoản 8 Điều 13 Dự thảo quy định Thủ tướng Chính phủ giải quyết tố cáo đối với Bộ trưởng, Thứ trưởng…, nhưng các chức danh này là đảng viên thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nên có sự trùng lặp về thẩm quyền giải quyết giữa Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kiểm tra Trung ương*.*

*Về vấn đề này cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau*: hiện nay, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 210-QĐ/TW ngày 08/11/2013 về việc ban hành Quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Đồng thời, Quyết định số 210-QĐ/TW cũng giao các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc trung ương quy định cụ thể việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý. Như vậy, việc giải quyết tố cáo đối với đảng viên do Đảng quy định, trong Luật này tập trung quy định về tố cáo vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên, do đặc thù của hệ thống chính trị nước ta, cán bộ, công chức, viên chức chủ yếu là đảng viên, việc vi phạm pháp luật cũng là vi phạm Điều lệ đảng, vì vậy cần có sự phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền của đảng và chính quyền trong việc xem xét, giải quyết.

- Có ý kiến ĐBQH đề nghị bổ sung thẩm quyền giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết đối với doanh nghiệp trực thuộc tổ chức mình.

*Cơ quan chủ trì tiếp thu và bổ sung* tại khoản 3, Điều 17 của Dự thảo theo hướng*:* người đứng đầu cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đơn vị trực thuộc do mình quản lý trực tiếp. Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 76 Dự thảo đã quy định: căn cứ vào Luật này, cơ quan khác của Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình

**7.** **Về quyền và nghĩa vụ của người tố cáo**

Một số ý kiến ĐBQH đề nghị bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của người tố cáo được bảo vệ tại các Điều 41,42,44,45,46,47,48 vào Điều 9 quy định chung về quyền và nghĩa vụ của người tố cáo để đảm bảo tính logic.

*Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu và bổ sung chỉnh lý* tại Điều 9 của dự thảo, bổ sung thêm một số quyền cho người tố cáo như: quyền được thông báo về các biện pháp bảo vệ, quyền bảo vệ bí mật thông tin, tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm, vị trí công tác, việc làm và các quyền công dân khác tại nơi cư trú...

**8. Về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo**

*a) Về quy định rút tố cáo:*

- Có ý kiến nhất trí việc quy định cho người tố cáo có quyền rút đơn, nhưng nếu hành vi vi phạm pháp luật vẫn chưa được phát hiện, xử lý thì vẫn phải xem xét, giải quyết nội dung tố cáo*.*

- Có ý kiến đề nghị không quy định về việc rút tố cáo, vì người tố cáo không thể tùy tiện trong việc tố cáo cũng như việc rút tố cáo; bên cạnh đó, việc xem xét, xác minh nội dung tố cáo đúng hay sai không thuộc trách nhiệm của người tố cáo; hơn nữa, người đó có rút đơn tố cáo hay không thì cũng không chấm dứt trách nhiệm của cơ quan và người có thẩm quyền giải quyết tố cáo*.*

- Có ý kiến đề nghị quy định việc giải quyết tố cáo đối với trường hợp nhiều người cùng tố cáo với nhiều nội dung khác nhau, nhưng sau đó có người rút tố cáo, có người không rút tố cáo thì cần quy định rõ việc xử lý.

*Về vấn đề này cơ quan chủ trì soan thảo tiếp thu, giải trình như sau*: tố cáo là quyền con người, quyền công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp 2013, việc thụ lý giải quyết, xác định, kết luận nội dung tố cáo đúng hay sai thuộc trách nhiệm của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, qua tổng kết 4 năm thi hành Luật tố cáo và thực tiễn giải quyết tố cáo ở nhiều địa phương cho thấy: 59,35% là đơn tố cáo sai, 28,3% tố cáo có đúng có sai. Do đó việc người tố cáo rút tố cáo khi họ tự nhận thấy tố cáo không đủ căn cứ, bằng chứng là quyền của của người tố cáo. Trong trường hợp người tố cáo lợi dụng việc rút tố cáo để che giấu hành vi vi phạm hoặc họ bị lợi dụng, bị ép buộc phải rút tố cáo mà hành vi vi phạm pháp luật vẫn tồn tại thì cơ quan nhà nước vẫn phải giải quyết. Việc rút đơn tố cáo không chấm dứt trách nhiệm bảo vệ pháp luật của cơ quan nhà nước.

Vì vậy, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về rút tố cáo chặt chẽ, đầy đủ hơn tại Điều 26 theo hướng: người tố cáo có thể rút toàn bộ hoặc hoặc rút một phần nội dung tố cáo; trường hợp rút tố cáo mà xét thấy hành vi vi phạm pháp luật vẫn chưa được phát hiện và xử lý thì tố cáo vẫn phải được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật; trường hợp người tố cáo rút một phần nội dung tố cáo mà có căn cứ thì những nội dung tố cáo còn lại vẫn được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật; trường hợp nhiều người tố cáo về một nội dung, trong đó có người rút tố cáo mà có căn cứ thì những nội dung tố cáo còn lại vẫn được xem xét, giải quyết...

*b) Thời hạn giải quyết tố cáo*

Một sốý kiến ĐBQH cho rằng thời hạn giải quyết tố cáo còn dài, chưa phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính hiện nay; cần phân định rõ các loại thời hạn giải quyết đối với từng loại vụ việc phức tạp hay đơn giản; đề nghị quy định rõ là “ngày” hay “ngày làm việc” trong các quy định về thời hạn của dự thảo Luật.

*Cơ quan chủ trì soan thảo tiếp thu, chỉnh lý* tại Điều 22 theo hướng giảm thời hạn giải quyết tố cáo so với Luật tố cáo hiện hành, quy định rõ về thời hạn giải quyết tố cáo đối với từng loại vụ việc tố cáo:

“1. Thời hạn giải quyết tố cáo là 30 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 15 ngày.

2. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 60 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày.

3. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không 45 ngày”.

Về khái niệm *ngày* *và “ngày làm việc”* trong quy định về thời hạn được quy định cụ thể tại Điều 144 Bộ Luật dân sự 2015, theo đó:

“1. Thời hạn là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác.

2. Thời hạn có thể được xác định bằng phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc bằng một sự kiện có thể sẽ xảy ra.”.

Như vậy, thời hạn tính theo ngày theo tinh thần của Bộ luật dân sự là ngày liên tục (gồm cả ngày thứ 7, chủ nhật). Do vậy, dự thảo Luật tố cáo không nên quy định cụ thể về vấn đề này.

*c) Về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo*

Có ý kiến ĐBQH cho rằng cần tách bước tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin tố cáo ra khỏi trình tự thủ tục giải quyết, việc giải quyết chỉ bắt đầu khi có quyết định thụ lý tố cáo để tránh tình trạng ra quyết định thụ lý giải quyết tố cáo đối với những vụ việc thiếu thông tin cụ thể, không đủ căn cứ, nội dung không rõ ràng...

*Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu, chỉnh lý* tại Mục 2 Chương III – Hình thức tố cáo, tiếp nhận xử lý ban đầu thông tin tố cáo và quy định rõ về trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo (Mục 3 Chương III) gồm các bước sau: quyết định thụ lý tố cáo, xác minh nội dung tố cáo, kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo, Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhânbị tố cáo.

**9. Về bảo vệ người tố cáo**

Nhiều ý kiến ĐBQH cho rằng dự thảo Luật đã có nhiều nội dung mới quy định về bảo vệ người tố cáo và người thân thích của người tố cáo. Tuy nhiên, quy định này còn chung chung, mang tính hình thức, chưa có quy định cụ thể, chi tiết về: đối tượng được bảo vệ, cơ quan bảo vệ, thời hạn bảo vệ, biện pháp bảo vệ, trình tự thủ tục bảo vệ, kinh phí bảo vệ, cần mở rộng đối tượng được bảo vệ; nhiều quy định khó đảm bảo khả thi trong thực tiễn...

*Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến* của các đại biểu Quốc hội, thiết kế lại tổng thể Chương VI về bảo vệ người tố cáo, người thân thích của người tố cáo, người cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết tố cáo, theo đó Chương VI của dự thảo Luật gồm 3 mục:

Mục 1 - Quy định chung: quy định về đối tượng, phạm vi, thời hạn bảo vệ; quyền và nghĩa vụ của người được bảo vệ; các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ; kinh phí bảo vệ.

Mục 2 - Trình tự, thủ tục bảo vệ: quy định về việc đề nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ; xác minh thông tin về đề nghị bảo vệ; căn cứ ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ, quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ; trách nhiệm của cơ quan áp dụng biện pháp bảo vệ và các cơ quan, tổ chức có liên quan; chấm dứt bảo vệ và hồ sơ bảo vệ.

Mục 3 - Các biện pháp bảo vệ: quy định cụ thể về bảo vệ bí mật thông tin của người được bảo vệ; bảo vệ tài sản, tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, quyền công dân tại nơi cư trú; bảo vệ vị trí công tác, việc làm.

- Có ý kiến đề nghị quy định rõ về phạm vi, đối tượng, thời hạn bảo vệ, các căn cứ để bảo vệ, quy định chế độ bảo vệ đặc biệt đối với người tố cáo là phụ nữ mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ.

*Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến này* và chỉnh lý tại Điều 41 của Dự thảo theo hướng quy định rõ về đối tượng được bảo vệ, phạm vi bảo vệ, căn cứ bảo vệ, thời hạn bảo vệ theo hướng: quy định đối tượng được bảo vệ là người tố cáo; người cung cấp thông tin; người thân thích của người tố cáo. Phạm vi bảo vệ: bảo vệ bí mật thông tin; bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm; bảo vệ các quyền công dân tại nơi cư trú; bảo vệ vị trí công tác, việc làm khi có căn cứ về việc họ đã hoặc sẽ bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm; các quyền công dân tại nơi cư trú; vị trí công tác, việc làm. Căn cứ để bảo vệ: căn cứ về việc đã hoặc sẽ bị xâm hại được hiểu là đã bị xâm hại hoặc có sự đe dọa xâm hại ở mức độ nguy hiểm đáng kể hoặc căn cứ vào tính chất nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo và vai trò quan trọng của người cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình xác minh, kết luận nội dung tố cáo, cần phải có biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn cho người được bảo vệ và yêu cầu hoạt động giải quyết tố cáo. Thời hạn bảo vệ: việc áp dụng các biện pháp bảo vệ được thực hiện trong suốt thời gian mà có căn cứ về việc đã hoặc sẽ bị xâm hại là có thực và không giới hạn về thời gian. Đồng thời, để phân biệt đối tượng được bảo vệ trong pháp luật tố tụng hình sự, Dự thảo quy định tại khoản 5 Điều 41về việc bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng và người thân thích của họ trong tố tụng hình sự thì được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

- Có ý kiến đề nghị xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan trong việc bảo vệ người tố cáo; xác định rõ trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ người tố cáo.

*Cơ quan chủ trì tiếp thu ý kiến này và bổ sung, chỉnh lý tại Điều 43* theo hướng:cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ khi người được bảo vệ thuộc quyền quản lý của mình, những nội dung bảo vệ khác nếu thuộc thẩm quyền của mình; cơ quan tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin của người được bảo vệ; cơ quan công an có trách nhiệm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo vệ các quyền công dân của người được bảo vệ tại nơi cư trú; cơ quan nội vụ, cơ quan quản lý nhà nước về lao động, Công đoàn lao động Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ trí công tác, việc làm của người được bảo vệ.

Đồng thời quy định rõ về trình tự, thủ tục bảo vệ người tố cáo, người thân thích của họ tại các Điều 45,46,47,48, 49,50,51 của Dự thảo. Việc quy định như vậy đảm bảo tính chặt chẽ, khả thi trong bảo vệ người tố cáo.

- Có ý kiến cho rằng hiện nay công an và quân đội đang trực tiếp bảo vệ người tố giác tội phạm, nhân chứng, người bị hại và người tham gia tố tụng, nếu giao công an bảo vệ người tố cáo thì sẽ không đủ lực lượng. Do đó, đề nghị quy định hình thức thuê công ty vệ sỹ và dùng ngân sách chi trả để tránh tăng thêm biên chế*.*

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau:* căn cứ vào chức năng nhiệm vụ thì cơ quan công an có trách nhiệm bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ là hợp lý. Bên cạnh đó pháp luật về tố tụng hình sự cũng giao cho cơ quan công an có trách nhiệm bảo vệ nhân chứng, người tố giác tội phạm...trong các vụ án hình sự. Mặt khác, trong dự thảo Luật còn quy định cho một số cơ quan khác có thẩm quyền bảo vệ người tố cáo như: cơ quan giải quyết tố cáo, ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan nội vụ, lao động...

Một số ý kiến cụ thể khác của ĐBQH về bảo vệ người tố cáo đã được cơ quan chủ trì đã tiếp thu, chỉnh lý rõ ràng, chi tiết tại Chương VI của dự thảo Luật.

**10. Về trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức trong công tác giải quyết tố cáo**

- Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật chưa thể hiện rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong công tác phối hợp giải quyết tố cáo, đặc biệt là phối hợp trong bảo vệ người tố cáo theo tinh thần Chỉ thị 35 của Bộ Chính trị.

- Có ý kiến đề nghị không quy định các cơ quan xét xử phải tham gia, phối hợp để giải quyết tố cáo nhằm bảo đảm nguyên tắc là Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*.*

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau*: Dự thảo quy định nội dung mang tính nguyên tắc về trách nhiệm phối hợp trong giải quyết tố cáo. Theo quy định của dự thảo Luật, trách nhiệm chủ trì trong giải quyết tố cáo trước hết thuộc về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan được thể hiện thông qua những quy trình, giai đoạn cụ thể trong quá trình giải quyết tố cáo. Bên cạnh đó, trong Chương VI của Dự thảo đã quy định rất cụ thể về việc bảo vệ người tố cáo, trong đó đã nêu rõ thẩm quyền, trách nhiệm và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan để bảo vệ người tố cáo bảo đảm tính khả thi, hiệu quả hơn. Việc quy định trách nhiệm phối hợp chung của cơ quan tòa án trong công tác giải quyết tố cáo không ảnh hướng đến tính độc lập trong hoạt động xét xử của cơ quan này.

**11. Điểm dừng trong giải quyết tố cáo**

Một số ý kiến ĐBQH đề nghị dự thảo Luật cần quy định rõ về việc giải quyết cuối cùng và điểm dừng trong giải quyết tố cáo.

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau:* Luật hiện hành không quy định về điểm dừng trong giải quyết tố cáo. Trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo không giống như giải quyết khiếu nại, vì tố cáo là việc cá nhân báo cho cơ quan có thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật và các cơ quan có trách nhiệm thụ lý, giải quyết. Nếu việc giải quyết không khách quan, vi phạm pháp luật (do người dân tố cáo tiếp hoặc do cơ quan nhà nước phát hiện) hoặc hành vi vi phạm vẫn tồn tại hoặc không được xem xét giải quyết kịp thời thì tố cáo được tiếp tục xem xét, giải quyết. Do đó, Dự thảo không quy định về điểm dừng trong giải quyết tố cáo.

**12. Về mở rộng chủ thể tố cáo là tổ chức**

Một số ý kiến ĐBQH đề nghị mở rộng chủ thể tố cáo là tổ chức vì dự thảo Luật hiện nay chỉ quy định người tố cáo là cá nhân.

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau*: dự thảo Luật quy định chủ thể thực hiện việc tố cáo là cá nhân nhằm xác định rõ trách nhiệm của người tố cáo khi cung cấp các thông tin và làm căn cứ để xử lý trách nhiệm khi tố cáo sai sự thật. Hiến pháp 2013 chỉ quy định mọi người có quyền tố cáo. Trường hợp một tổ chức đứng đơn tố cáo thường rất khó xác định trách nhiệm khi tố cáo sai sự thật. Mặc dù Luật tố cáo không quy định về quyền tố cáo của tổ chức song vẫn còn nhiều cơ chế khác để tổ chức cung cấp các thông tin về hành vi vi phạm cho các cơ quan có thẩm quyền như thông qua việc kiến nghị, phản ánh, tin báo, tố giác...

**13. Về việc xử lý thông tin, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật được phản ánh qua báo chí**

Có ý kiến ĐBQH cho rằng cần cơ chế để nghiên cứu xem xét, giải quyết thông tin, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật được phản ánh qua báo chí.

*Về vấn đề này cơ quan chủ trì soạn tiếp thu, giải trình như sau*: hiện nay có không ít các vụ việc vi phạm pháp luật được các cơ quan báo chí đưa tin, phản ánh trong đó có nhiều thông tin chính xác, đáng tin cậy, phản ánh đúng sự việc xảy ra trên thực tế...giúp các cơ quan chức năng có các thông tin làm căn cứ để xử lý những hành vi vi phạm. Bên cạnh đó thì có không ít thông tin mà báo chí phản ánh còn thiếu chính xác. Do đó, theo quy định hiện hành nếu các thông tin về vi phạm pháp luật do báo chí phản ánh thuộc thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng thì các cơ quan đó có trách nhiệm xác minh làm rõ, khi có dấu hiệu phạm tội thì sẽ thực hiện các biện pháp điều tra, khởi tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên, Dự thảo bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 20 về việc xử lý đối với đơn tố cáo do báo chí, do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến thì người tiếp nhận có trách nhiệm xét giải quyết theo quy định của pháp luật tố cáo và có thông tin trả lời về việc xem xét, giải quyết cho báo chí. Trường hợp có thông tin về hành vi vi phạm pháp luật được phản ánh qua báo chí thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình xem xét, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

**14. Về quy định nội dung quản lý nhà nước trong giải quyết tố cáo**

Một số ý kiến ĐBQH cho rằng cần bổ sung quy định về các nội dung quản lý nhà nước trong công tác giải quyết tố cáo.

*Cơ quan chủ trì giải trình như sau*: một số đạo Luật được ban hành trong thời gian vừa qua như Luật khiếu nại, Luật tiếp công dân, Luật phòng chống tham nhũng, Luật thanh tra...đều không quy định về nội dung quản lý nhà nước mà chỉ quy định trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước. Việc quy định các nội dung quản lý nhà nước sẽ dẫn đến tình trạng trùng lắp trong các văn bản pháp luật.

**15. Về thực hiện chức năng giám sát của Quốc hội đối với công tác giải quyết tố cáo**

Một số ý kiến ĐBQH đề nghị Dự thảo cần bổ sung quy định về chức năng giám sát của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong công tác giải quyết tố cáo.

*Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình như sau*: hiện nay chức năng giám sát của Quốc hội trong đó có giám sát công tác giải quyết tố cáo đã được quy định trong Luật hoạt động giám của Quốc hội và Hội đồng nhân dân do đó dự thảo Luật không cần thiết quy định vấn đề này.

**16. Về khen thưởng, xử lý vi phạm**

*a) Về khen thưởng*

 Có ý kiến ĐBQH đề nghị quy định rõ về quỹ khen thưởng, mức thưởng đối với người có thành tích trong tố cáo để động viên khuyến khích người dân trong việc đấu tranh phòng chống và phát hiện các hành vi vi phạm, vì Luật thi đua khen thưởng không quy định về vấn đề này.

*Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu*, quy định cụ thể nguyên tắc khen thưởng, quỹ khen thưởng, mức thưởng, hình thức khen thưởng trong dự thảo Luật từ Điều 63 đến Điều 68.

1. *Về xử lý vi phạm*

- Các ĐBQH về cơ bản đồng ý với Dự thảo quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực tố cáo và giải quyết tố cáo nhằm đảm bảo kỷ cương, kỷ luật.

- Có một số ý kiến ĐBQH cho rằng cần rà soát kỹ các quy định để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật tố cáo với Luật cán bộ công chức, Luật xử lý vi phạm hành chính và tính khả thi của các hình thức xử lý vi phạm, đặc biệt là xử lý kỷ luật đối với cán bộ công chức.

*Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu vấn đề này* và quy định chi tiết từ Điều 69 đến Điều 74 của Dự thảo*.* Hiện nay, việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đã có một số văn bản quy định như: Luật cán bộ, công chức, Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 về xử lý kỷ luật đối với công chức, Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/04/2012 quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/72016 quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, đối với các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc giải quyết tố cáo hiện nay còn thiếu quy định cụ thể về hành vi vi phạm và các chế tài xử lý tương ứng. Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành cũng còn thiếu các chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật tố cáo của người tố cáo và các chủ thể khác. Do đó Dự thảo đã quy định cụ thể về các hành vi vi phạm của người giải quyết tố cáo, người được giao nhiệm vụ xác minh, người tổ chức thi hành kết luận, người tố cáo và có quy định cụ thể về các hình thức xử lý kỷ luật tương ứng như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức. Mặt khác, Dự thảo cũng quy định rõ việc áp dụng hình thức xử lý đối với người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức và người tố cáo không phải là cán bộ công chức viên chức khi có hành vi vi phạm xảy ra.

**17. Một số góp ý về kỹ thuật, điều khoản cụ thể**

Ngoài những nội dung trên, một số ý kiến góp ý cụ thể về câu chữ kỹ thuật và các Điều khoản cụ thể trong dự thảo Luật như: bổ sung mở rộng đối tượng là người thân thích của người tố cáo, bỏ nguyên tắc “ bình đẳng không phân biệt đối xử về giới”, bổ sung quy định về công khai trụ sở, email, điện thoại của các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết tố cáo, bổ sung vào Báo cáo đánh giá tác động dự án Luật về đánh giá tác động vấn đề bảo vệ người tố cáo, bổ sung trường hợp đình chỉ giải quyết tố cáo... những vấn đề này cơ quan chủ trì đã tiếp thu, chỉnh lý trong dự thảo Luật và hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Trên đây là báo cáo về các nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến của các Đại biểu Quốc hội về dự án Luật tố cáo (sửa đổi). Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Thanh tra Chính phủ trân trọng báo cáo với Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ;- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Ủy ban pháp luật của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Thanh tra Chính phủ;- Lưu: VT, PL. | **TM. CHÍNH PHỦ****TUQ. THỦ TƯỚNG****TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ****(Đã ký)****Phan Văn Sáu** |